

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH LUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thị Thu Oanh, Trần Thị Như Tâm
Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
Email: httoanh@ctu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu khảo sát thực trạng tự học của sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, tập trung vào nhận thức, thời gian, kế hoạch, tài liệu và không gian học tập. Kết quả cho thấy đa số sinh viên nhận thức đúng về tầm quan trọng của tự học (80,3% đánh giá rất quan trọng), nhưng hiệu quả thực tế chưa cao. Có 41,98% sinh viên chỉ dành dưới 2 giờ/tuần cho một học phần, trong khi chỉ 5,19% “luôn luôn” lập kế hoạch tự học. Phần lớn sinh viên sử dụng tài liệu số (85,4%) và chọn không gian linh hoạt như quán cà phê thay vì thư viện. Hạn chế này xuất phát từ ba nhóm yếu tố: cá nhân (thiếu động cơ, kỹ năng quản lý thời gian), giảng dạy (chưa khuyến khích tự học), và điều kiện hỗ trợ (nguồn học liệu, không gian học tập). Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực tự học, góp phần cải thiện chất lượng đào tạo ngành Luật.

Từ khóa: CTUT, luật, năng lực, sinh viên, tự học

SOLUTIONS TO ENHANCE SELF-STUDY COMPETENCE FOR LAW STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

Huỳnh Thị Thu Oanh, Trần Thị Như Tâm
Can Tho University of Technology
Email: httoanh@ctu.edu.vn

Abstract: The study investigates the self-study practices of Law students at Can Tho University of Technology and Engineering, focusing on their awareness, time allocation, planning, learning materials, and study spaces. Findings indicate that while the majority of students recognize the importance of self-study (80.3% rated it as very important), actual effectiveness remains limited. Specifically, 41.98% of students spend less than two hours per week on a course, and only 5.19% “always” make self-study plans. Most students prefer using digital resources (85.4%) and opt for flexible spaces such as cafés rather than libraries. These limitations stem from three main factors: personal (lack of motivation and time management skills), instructional (insufficient encouragement for self-study), and institutional support (inadequate learning resources and study environments). The study proposes comprehensive solutions to enhance self-study capacity, thereby contributing to improving the quality of legal education.

Keywords: CTUT, law, competence, students, self-study

Nhận bài: 20/07/2025

Phản biện: 15/08/2025

Duyệt đăng: 19/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, năng lực tự học được xem là một trong những năng lực cốt lõi, đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Năng lực tự học của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, nhưng có thể chia thành hai nhóm là yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan. Về mặt chủ quan, động cơ học tập và nhận thức của sinh viên về vai trò của việc tự học là nền tảng cốt lõi. Bên cạnh đó, các kỹ năng cá nhân như quản lý thời gian, tìm kiếm và xử lý thông tin, tư duy phản biện ... cũng quyết định hiệu quả của quá trình tự học. Về mặt khách quan, phương pháp giảng dạy của giảng viên, môi trường học tập và cơ sở vật chất của nhà trường, bao gồm thư viện, hệ thống học liệu điện tử và các diễn đàn học thuật, đều là những công cụ hỗ trợ cần thiết góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học cho sinh viên.

Đối với sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Luật, việc phát triển năng lực tự học là vô cùng quan trọng bởi nhiều lý do. Thứ nhất, hệ thống văn bản pháp luật không phải là một khối kiến thức tĩnh tại mà luôn biến động, đòi hỏi người học phải liên tục cập nhật các luật, nghị định, thông tư mới ... được ban hành. Khả năng tự học giúp sinh viên chủ động tiếp cận, tra cứu và nắm bắt kịp thời những thay đổi này, tránh tình trạng lạc hậu về kiến thức chuyên môn. Thứ hai, ngành Luật đòi hỏi tư duy phân tích, phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách độc lập. Việc tự nghiên cứu các án lệ, học thuyết pháp lý và các tình huống thực tiễn không chỉ mở rộng kiến thức mà còn rèn luyện những kỹ năng cốt lõi này, biến sinh viên từ người tiếp thu thụ động thành người chủ động kiến tạo tri thức. Cuối cùng, năng lực tự học là nền tảng vững chắc cho quá trình “học tập suốt đời” - một yêu cầu tất yếu của mọi chuyên

gia pháp lý. Ngay cả sau khi ra trường, người làm nghề luật vẫn phải không ngừng tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động.

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (CTUT) có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngành Luật tại CTUT tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2021, đến nay đã đào tạo được 04 khóa với tổng số khoảng 250 sinh viên [8]. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chưa có một nghiên cứu độc lập nào đánh giá về thực trạng tự học của sinh viên ngành Luật tại CTUT. Nhằm đánh giá năng lực tự học của sinh viên ngành Luật tại CTUT. Trong bài viết này, thực trạng tự học của sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Kỹ

thuật - Công nghệ Cần Thơ được nghiên cứu. Một khảo sát được thực hiện với sự tham gia của 162 sinh viên ngành Luật đang học tại CTUT. Kết quả khảo sát được phân tích và là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Luật tại CTUT trong những năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát là SV ngành Luật đang học tại CTUT từ 2021 đến khóa 2023. Số lượng SV tham khảo sát được chọn theo phương pháp phân tầng ngẫu nhiên, cỡ mẫu được chọn theo mô tả của Phạm Lộc là 162 SV, thuộc các khóa 2021, 2022 và 2023.

Bảng 1. Thông tin về mẫu khảo sát

Khoa chuyên ngành	Khóa 2021	Khóa 2022	Khóa 2023	Tổng
Nam	27	29	24	80
Nữ	28	28	26	82
Tổng	55	57	50	162

2.1.2. Nội dung phiếu khảo sát

Để có đầy đủ thông tin cho việc đánh giá thực trạng tự học của sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, phiếu khảo sát được xây dựng qua hai giai đoạn như sau:

Giai đoạn thăm dò mở: Tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đây về thực trạng tự học của SV trên các tạp chí chuyên ngành về thực trạng việc tự học của SV tại một số trường đại học, khung năng lực tự học và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV. Trên cơ sở các nghiên cứu này, nội dung phiếu khảo sát chính thức được xây dựng.

Giai đoạn thu thập dữ liệu chính thức: Các nội dung khảo sát bao gồm: *nhận thức của SV về vai trò của việc tự học; thời gian dành cho việc tự học; địa điểm dành cho việc tự học; thực trạng việc tự học của SV*. Phiếu khảo sát được phát cho SV thông qua google biểu mẫu.

Các biên khảo sát có 5 mức độ, bao gồm (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Thường không đồng ý; (3) Không ý kiến; (4) Thường đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Để có được phiếu khảo sát tin cậy, chúng tôi đã khảo sát thử nghiệm trên 50 SV để kiểm tra và loại bỏ các biên không đạt từ đó xây dựng phiếu khảo sát chính thức.

2.1.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0 thông qua việc phân tích thống kê mô tả và phân tích phương sai (ANOVA). Nghiên cứu

được triển khai trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2025.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Khái niệm về tự học

Tự học là hoạt động chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình dạy học ở bậc đại học. Theo từ điển Oxford, tự học (self-study) là quá trình một người tự thực hiện các hoạt động học tập, chiếm lĩnh kiến thức về một chủ đề gì đó mà không có giảng viên giúp đỡ. Năng lực tự học là năng lực thể hiện qua việc thực hiện thành công các hoạt động: xác định nhu cầu học tập; xây dựng mục tiêu học tập; xác định nguồn nhân lực, vật lực để học tập; lựa chọn và thực hiện các chiến lược học tập, đánh giá kết quả học tập [3-4]. Năng lực tự học của SV bao gồm 4 năng lực thành phần: Xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập; Lập kế hoạch tự học; Thực hiện kế hoạch tự học; Đánh giá kết quả tự học [5]. Còn theo Đào Việt Hùng, năng lực tự học của SV Việt Nam trong giai đoạn hiện nay bao gồm 7 năng lực thành phần: xác định nhu cầu học tập; xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập; lập kế hoạch học tập; lựa chọn nguồn tài liệu; lựa chọn chiến lược; thực hiện kế hoạch học tập; tự đánh giá và hiệu chỉnh [6]. Theo đó, để hình thành và phát triển năng lực tự học, SV cần rèn luyện kỹ năng học tập hiệu quả, đồng thời cần sự định hướng và hỗ trợ từ môi trường giáo dục một cách đồng bộ.

2.2.2. Vai trò của năng lực tự học trong đào tạo ngành Luật

Trong bối cảnh nền pháp luật Việt Nam không ngừng thay đổi và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc tự học đóng vai trò then chốt đối với SV ngành Luật. Không giống như các ngành học thuộc khối kỹ thuật và công nghệ, ngành Luật đòi hỏi người học phải có khả năng tiếp cận một số lượng lớn văn bản pháp lý, có khả năng phân tích lập luận và vận dụng linh hoạt các quy định vào từng tình huống cụ thể [9]. Do đó, SV không thể chỉ dựa vào bài giảng trên lớp mà cần chủ động tìm hiểu luật mới, nghiên cứu án lệ, cập nhật các thông tư, nghị định và cả xu hướng pháp lý quốc tế [9]. Năng lực tự học giúp SV hình thành tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu độc lập và khả năng tự nâng cấp kiến thức - những yếu tố thiết yếu cho một luật sư, thẩm phán hoặc cán bộ pháp chế trong tương lai. Bên cạnh đó, trong môi trường học thuật Việt Nam hiện nay, nơi mà phương pháp giảng dạy pháp luật còn mang tính thụ động, thì năng lực tự học chính là chìa khóa để SV vượt qua lỗ hổng kiến thức, phát triển năng lực nghề nghiệp một cách bền vững và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1 Thực trạng tự học của sinh viên ngành Luật tại CTUT

2.3.1.1. Nhận thức của sinh viên

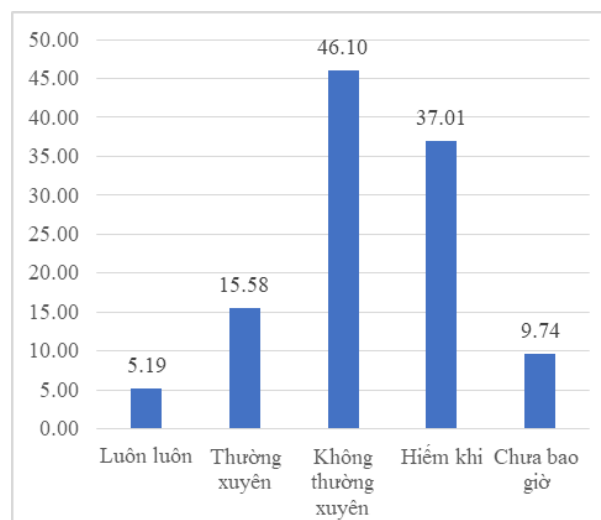
Kết quả khảo sát cho thấy, những năng lực mà SV ngành luật cho là quan trọng nhất trong thời gian học tập ở bậc đại học là *năng lực tự học và tự nghiên cứu* (75,0%); *năng lực giải quyết vấn đề* (35,5%); *năng lực giao tiếp và hợp tác* (18,6%) (Hình 1). Đồng thời, hầu hết SV cho rằng là quá trình tự học và tự nghiên cứu là rất quan trọng (80,3%) và quan trọng (16,3%). Kết quả cho thấy hầu hết SV đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan

trọng của việc tự học và tự nghiên cứu đối với nghề nghiệp bản thân, nhưng thực tế hành vi tự học chưa tương xứng. Điều này tạo ra khoảng cách giữa nhận thức và hành động.

2.3.1.2. Thực trạng tự học

Thời gian tự học: Theo quy định, học phần Luật Tố tụng có 30 tiết học trực tiếp (3 tiết/tuần trong 10 tuần) và thời gian tự học khuyến nghị là 60 tiết, tương đương khoảng 6 tiết (6 giờ) tự học mỗi tuần. Kết quả khảo sát cho thấy Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy: 41,98% sinh viên chỉ dành dưới 2 giờ/tuần, 31,48% dành 2–4 giờ/tuần, 15,43% dành 4–6 giờ/tuần và chỉ 11,02% trên 6 giờ/tuần. Kết quả này cho thấy thời gian tự học của hầu hết SV khá ít, chỉ có khoảng 26,45% SV đạt mức 4 giờ/tuần trở lên, trong khi khuyến nghị là 6 giờ/tuần. Điều này chứng tỏ phần lớn sinh viên chưa dành đủ thời gian tự học, dễ dẫn đến hạn chế trong việc nắm bắt kiến thức, phát triển kỹ năng hành nghề, và ảnh hưởng đến kết quả học tập.

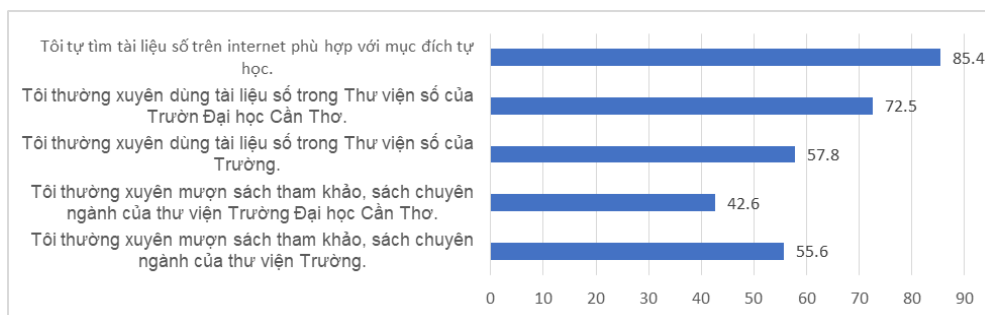
Kế hoạch tự học: Kết quả khảo sát (Hình 1) cho thấy tỷ lệ SV có thói quen lập kế hoạch tự học học phần Tố tụng ở mức rất thấp: chỉ có 5,19% sinh viên “luôn luôn” và 15,58% “thường xuyên” thực hiện, trong khi đa số sinh viên cho biết “không thường xuyên” (46,10%) hoặc “hiếm khi” (37,01%) và vẫn còn 9,74% “chưa bao giờ” lập kế hoạch tự học. Như vậy, tỷ lệ SV “luôn luôn” và “thường xuyên” lập kế hoạch chỉ đạt 20,77% thấp hơn nhiều so với yêu cầu rèn luyện tính kỷ luật trong ngành Luật. Điều này phản ánh thực trạng đáng lưu ý: hoạt động tự học của sinh viên chủ yếu mang tính tự phát, thiếu hệ thống, không gắn với mục tiêu cụ thể. Với một ngành học đặc thù đòi hỏi tính kỷ luật và khả năng lập luận logic như Luật, việc thiếu kế hoạch học tập có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả tiếp thu và khả năng vận dụng kiến thức pháp lý trong thực tiễn.



Hình 1: Mức độ thường xuyên trong việc lập kế hoạch cho việc tự học của SV

Tài liệu tự học: Số liệu khảo sát cho thấy sinh viên có xu hướng ưu tiên sử dụng tài liệu số trong quá trình tự học. Cụ thể, 85,4% thường xuyên tìm kiếm tài liệu trên internet, 72,5% khai thác nguồn tài liệu từ Thư viện số của Trường Đại học Cần Thơ và 57,8% từ Thư viện số của CTUT. Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên mượn sách tham khảo, giáo trình truyền thống ở thư viện chỉ

đạt 42,6% và 55,6%. Kết quả này cho thấy sự dịch chuyển mạnh mẽ sang việc sử dụng tài liệu số - một xu thế phù hợp với chuyển đổi số trong giáo dục. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là sinh viên cần có năng lực *chọn lọc và đánh giá độ tin cậy* của nguồn thông tin trên môi trường mạng, tránh tình trạng “quá tải thông tin” hoặc sử dụng nguồn thiếu chính thống.



Hình 2. Thực trạng sử dụng tài liệu phục vụ việc tự học của SV ngành Luật tại CTUT

Không gian cho việc tự học: Số liệu khảo sát cho thấy SV lựa chọn nhiều địa điểm khác nhau cho hoạt động tự học, trong đó phổ biến nhất là tại các quán trà sữa, quán cà phê (76,8%) và tại nhà riêng hoặc nhà trọ (68,6%). Việc sử dụng không gian công cộng cũng được nhiều sinh viên lựa chọn (66,5%), trong khi tỷ lệ sử dụng phòng đọc của thư viện (55,6%) và phòng học trống tại trường (52,4%) ở mức trung bình. Đáng chú ý, chỉ có 45,1% sinh viên thường xuyên truy cập trang

thư viện số của CTUT và 37,1% đến thư viện để tìm tài liệu học tập. Kết quả này cho thấy xu hướng sinh viên ưu tiên các không gian học tập linh hoạt, thoải mái và mang tính cá nhân cao hơn so với việc khai thác trực tiếp nguồn tài liệu và không gian học tập chính thống tại thư viện nhà trường. Đặc biệt, SV nữ có xu hướng chọn quán cà phê, trà sữa và nhà riêng nhiều hơn so với SV nam cho thấy SV nữ ưu tiên sự thoải mái, tiện lợi và linh hoạt trong việc lựa chọn không gian học tập hơn.



Hình 3. Những không gian dành cho việc tự học của SV ngành Luật tại CTUT

Nhìn chung, sinh viên ngành Luật tại CTUT đã có nhận thức khá đúng đắn về vai trò của tự học. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế:

Thời gian tự học thấp hơn nhiều so với mức khuyến nghị;

Việc lập kế hoạch tự học còn yếu, mang tính tự phát;

Phụ thuộc nhiều vào tài liệu số, song chưa chắc có kỹ năng đánh giá nguồn tin cậy;

Xu hướng chọn không gian học tập ngoài trường nhiều hơn so với việc tận dụng thư viện và cơ sở vật chất học thuật.

Những hạn chế này cho thấy có sự chênh lệch đáng kể giữa nhận thức và hành vi tự học, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập cũng như năng lực nghề nghiệp tương lai. Đây chính là cơ sở để tiếp tục phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp ở phần tiếp theo.

2.3.2. Phân tích nguyên nhân của thực trạng đã phân tích

2.3.2.1. Nguyên nhân từ phía sinh viên

Thiếu kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch học tập: Mặc dù nhận thức được vai trò của tự học nhưng đa số sinh viên chưa hình thành được thói

quen lập kế hoạch và phân bổ thời gian hợp lý, dẫn đến việc tự học mang tính tự phát.

Động cơ và ý thức tự học chưa cao: Một bộ phận sinh viên còn tâm lý học đối phó, chỉ tập trung vào kỳ thi hoặc yêu cầu của giảng viên mà chưa chủ động tìm tòi, mở rộng kiến thức.

Kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học còn hạn chế: Sinh viên chưa được trang bị đầy đủ phương pháp đọc tài liệu chuyên ngành, khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật hoặc kỹ năng phân tích, tổng hợp kiến thức, dẫn đến hiệu quả tự học chưa cao.

Ảnh hưởng từ thói quen học tập phổ thông: Nhiều sinh viên mới bước vào đại học vẫn còn giữ cách học thụ động, quen nghe giảng, ghi chép, ít chủ động tìm tòi nên khó thích ứng với yêu cầu tự học ở bậc đại học.

2.3.2.2. Nguyên nhân từ phía giảng viên

Phương pháp giảng dạy còn thiên về truyền đạt: Một số giảng viên vẫn chú trọng giảng giải lý thuyết, chưa thật sự tạo điều kiện để sinh viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tự học.

Chưa chú trọng hướng dẫn kỹ năng tự học: Trong nhiều học phần, giảng viên chưa cung cấp cho sinh viên phương pháp tự học cụ thể (cách tìm tài liệu, cách đọc và tóm tắt văn bản luật, cách chuẩn bị thảo luận...), khiến sinh viên lúng túng khi tự học.

Đánh giá chưa khuyến khích tự học: Hình thức kiểm tra, đánh giá còn nặng về ghi nhớ, chưa chú trọng đánh giá quá trình và sản phẩm tự học (bài tập tình huống, tiểu luận, thuyết trình).

2.3.2.3. Nguyên nhân từ phía nhà trường và môi trường học tập

Cơ sở vật chất và không gian tự học chưa thật sự hấp dẫn: Thư viện và phòng tự học chưa đa dạng, chưa tạo được môi trường học tập mở và sáng tạo để thu hút sinh viên. Điều này khiến sinh viên có xu hướng lựa chọn các không gian linh hoạt bên ngoài như quán cà phê, trà sữa.

Hệ thống tài liệu học tập chưa phong phú và cập nhật: Mặc dù thư viện số đã được triển khai, nhưng nguồn tài liệu chuyên ngành Luật vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng tự học: Các buổi tập huấn, hội thảo về phương pháp học tập, kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành Luật còn ít, chưa được tổ chức thường xuyên.

2.3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả tự học của sinh viên ngành Luật tại CTUT

2.3.3.1. Nâng cao động cơ, ý thức và kỹ năng tự học cho sinh viên

- Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về phương pháp học tập ở bậc đại học, kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực pháp luật.

- Xây dựng các chuyên đề ngoại khóa như “Kỹ năng đọc và phân tích văn bản luật”, “Phương pháp ghi nhớ và hệ thống hóa kiến thức pháp luật”, giúp sinh viên hình thành kỹ năng học tập độc lập.

- Khuyến khích sinh viên tự đặt mục tiêu học tập cá nhân theo từng học kỳ, có cơ chế theo dõi, phản hồi và đánh giá kết quả để hình thành thói quen học tập có định hướng.

2.3.3.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên

- Tăng cường dạy học theo định hướng tự học, trong đó giảng viên đóng vai trò định hướng, giao nhiệm vụ và hỗ trợ, thay vì chỉ truyền đạt kiến thức.

- Lồng ghép phương pháp dạy học tích cực (học theo tình huống, thảo luận nhóm, tranh biện, mô phỏng phiên tòa giả định) để buộc sinh viên chủ động nghiên cứu trước ở nhà.

- Chú trọng hướng dẫn sinh viên kỹ năng tự học ngay trong từng học phần, như cách tra cứu tài liệu, cách chuẩn bị nội dung thảo luận, cách viết tiểu luận.

2.3.3.3. Đổi mới hình thức kiểm tra – đánh giá

Áp dụng đánh giá quá trình: chấm điểm dựa trên mức độ tham gia thảo luận, báo cáo nhóm, sản phẩm tự học (bài tập tình huống, phân tích án lệ).

Đa dạng hóa hình thức đánh giá: kết hợp trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, bài tập nghiên cứu nhỏ, qua đó tạo động lực để sinh viên tự học thường xuyên hơn thay vì học dồn trước kỳ thi.

Ứng dụng công cụ số (Google Form, Moodle, Quizizz, Kahoot) trong đánh giá nhanh, phản hồi kịp thời để sinh viên biết điểm mạnh – yếu trong quá trình tự học.

2.3.3.4. Phát triển và khai thác hiệu quả nguồn học liệu

- Mở rộng, cập nhật kho học liệu số chuyên ngành Luật, bao gồm giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo, cơ sở dữ liệu pháp luật, án lệ, bài báo khoa học.

- Tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo luật khác (ví dụ: Trường Đại học Luật TP.HCM, Khoa Luật – Đại học Cần Thơ) để chia sẻ nguồn tài liệu số và giáo trình điện tử.

- Tập huấn cho sinh viên kỹ năng khai thác học liệu số: cách tìm kiếm, đánh giá và sử dụng tài liệu tin cậy phục vụ tự học.

2.3.3.5. *Cải thiện không gian học tập và cơ sở vật chất hỗ trợ tự học*

- Nâng cấp thư viện và phòng tự học theo hướng mở, thân thiện, trang bị wifi, máy tính, bàn thảo luận nhóm để tạo môi trường học tập hấp dẫn hơn.

- Tổ chức các “không gian sáng tạo” (creative space) dành cho sinh viên thảo luận, nghiên cứu, làm dự án học thuật.

- Kéo dài thời gian phục vụ của thư viện và phòng tự học, đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt của sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Hoạt động tự học của sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ tồn tại một số hạn chế về động cơ, phương pháp

và kỹ năng học tập. Nguyên nhân xuất phát từ cả phía sinh viên, giảng viên và điều kiện hỗ trợ của nhà trường, trong đó nổi bật là sự thiếu chủ động, kỹ năng quản lý thời gian còn yếu, phương pháp giảng dạy chưa thật sự khuyến khích tự học, cùng với cơ sở học liệu và hình thức đánh giá chưa tạo động lực mạnh mẽ. Để khắc phục, nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ và khả thi, bao gồm nâng cao kỹ năng và động cơ tự học cho sinh viên; đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên; cải tiến hình thức kiểm tra - đánh giá; phát triển học liệu số và cơ sở vật chất; đồng thời tăng cường cơ chế hỗ trợ từ phía nhà trường. Việc triển khai các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tự học, qua đó cải thiện chất lượng đào tạo và nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Thị Châu, 2019. "Tự học của sinh viên". Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- [3] Trần Sỹ Luận, Nguyễn Thị Yến Phương, Hà Văn Dũng và Nguyễn Thành Tuấn. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học của học sinh tại một số trường trung học cơ sở trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tạp chí Giáo dục, số 25(1), 42-48.
- [4] Đào Thị Hoa, Nguyễn Ngọc Tú, Phạm Thế Quân, Dương Thị Hà và Bế Thị Điệp. (2023). Năng lực tự học và một số yếu tố liên quan: Nghiên cứu trường hợp sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 19, số 10, tr. 51-56. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311009>
- [5] Thai Hoài Minh, Nguyen Thi Thu Trang, & Nguyen Minh Tuan (2024). Using the flipped classroom model to enhance self-study competence of pre-service Chemistry teachers in a course of general Chemistry 1. Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 21(1), 24-36.
- [6] Đào Việt Hùng, Nguyễn Mậu Đức và Lê Hoàng Minh. (2024). Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên, tập 229, số 12, tr. 51-57. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10036>
- [7] Nguyễn Xuân Trường và Hoàng Gia Bảo, 2020. "Thiết kế bộ công cụ đánh giá năng lực tự học cho sinh viên thông qua dạy học theo dự án trong học phần hóa học đại cương vô cơ ở Trường Cao đẳng Y tế". Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 65, tr. 192-203.
- [8] Phạm Lộc, 2021. "Hướng dẫn sử dụng SPSS V.26". Sách điện tử tại trang web www.phamlocblog.com, 2021.
- [9] Hà Văn Thanh. (2016). Động cơ học tập và năng lực tự học của sinh viên trường cao đẳng cảnh sát nhân dân II trước yêu cầu đổi mới. Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, tập 4, số 12, tr. 21-25.